

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T - TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24 /2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30-7-2020
Về việc: “*Xin ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH L**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Bảo.

Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Minh Tấn.

Bà Nguyễn Thị Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Diễm Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

Trong ngày 30 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở tòa án. TAND huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 126/2020/TLST-HNGĐ, ngày 26-6-2020 về việc “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 03-7-2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 16-7-2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Lê Thị Hoa N**, sinh năm: 1995 (có mặt).

Cư trú: ấp Phước Cường, xã Hậu Thạnh Tây, huyện T, tỉnh L.

Bị đơn: **Ông Lê Văn S**, sinh năm: 1990 (vắng mặt).

Cư trú: ấp Phước Cường, xã Hậu Thạnh Tây, huyện T, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và trong quá trình xét xử bà Lê Thị Hoa N trình bày nội dung vụ kiện như sau:

Bà và ông S chung sống năm 2012 và có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm trong cuộc sống và ông S cờ bạc không quan tâm vợ con. Giữa vợ chồng có xảy ra cãi vã, bà và ông S đã ly thân từ tháng 3/2020 cho đến nay. Nay bà xét thấy cuộc sống gia đình không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với ông S.

Về con chung: quá trình chung sống có 01 con chung tên Lê Bảo Tr, sinh ngày 10/4/2012. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Văn S trình bày tại biên bản hòa giải ngày 03/7/2020:

Ông và bà N chung sống với nhau vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, do bà N có quan hệ với người khác, vợ chồng ly thân từ tháng 3/2020 cho đến nay, nay do còn thương vợ, thương con, nên ông không đồng ý ly hôn

- Về con chung: có 01 con chung tên Lê Bảo Tr, sinh ngày 10/4/2012, nếu Tòa án giải quyết cho ông và bà N ly hôn, ông đồng ý giao con chung cho bà N nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa ông S vắng mặt. Nhưng xét thấy Tòa án đã tiến hành tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 03/7/2020 cho ông S, nhưng tại phiên tòa vào lúc 8 giờ 00 phút, ngày 17/7/2020 ông S vắng mặt lần thứ nhất không lý do, nên Tòa án đã có Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 16/7/2020 và Tòa án cũng đã tiến hành tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa cho ông S, nhưng tại phiên tòa hôm nay ngày 30/7/2020 ông S vẫn cố tình vắng mặt không lý do. Do đó căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: tại phiên tòa bà N trình bày là vợ chồng chung sống với nhau vào 2012 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hậu Thạnh Tây, huyện T vào ngày 11/5/2012, nên cuộc hôn nhân của bà N và ông S là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà N là do ông S không quan tâm đến vợ con và cờ bạc từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, giữa vợ chồng cắt đứt quan hệ từ tháng 3/2020 cho đến nay. Ông S trình bày tại biên bản hòa giải ngày 03/7/2020 là giữa vợ chồng cũng có mâu thuẫn, mà nguyên nhân là do bà N có quan hệ với người đàn ông khác từ đó dẫn đến vợ chồng cãi vã, do còn thương vợ, con nên ông S không đồng ý ly hôn. Xét thấy thời gian giữa bà N và ông S cắt đứt quan hệ tình cảm vợ chồng từ tháng 3/2020 cho đến nay mặc dù thời gian không dài, nhưng ông S không có động tác nào để thể hiện thiện chí hàn gắn lại hạnh phúc, cải thiện mối quan hệ vợ chồng và hơn nữa ông S cố tình vắng mặt tại phiên tòa chứng tỏ ông S không có thiện chí hàn gắn lại hạnh phúc. Nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: bà N và ông S trình bày thống nhất là quá trình chung sống có 01 con chung tên Lê Bảo Tr, sinh ngày 10/4/2012 hiện đang sống cùng bà N. Khi ly hôn bà N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Xét thấy hiện con chung trên 07

tuổi, tại bản tự khai ngày 01/7/2020 cháu Tr có nguyện vọng là sống với mẹ. Xét thấy con chung của ông S và bà N là con gái, nên giao con cho bà N được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của luật hôn nhân và gia đình. Về phần cấp dưỡng, do bà N không yêu cầu, nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: bà N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 58; các Điều 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hoa N.

1. Về hôn nhân: bà Lê Thị Hoa N được ly hôn với ông Lê Văn S.

2. Về con chung: giao cho bà Lê Thị Hoa N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên: Lê Bảo Tr, sinh ngày 10/4/2012. Ông Lê Văn S không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn bên không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: bà Lê Thị Hoa N phải chịu 300.000 đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000 đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000981, ngày 26/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T sang án phí.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA

HÀ MINH TẤN

NGUYỄN THỊ DUYÊN

NGUYỄN ĐỨC BẢO

Nơi nhận

- Toà án tỉnh L;
- VKS huyện T;
- THA huyện T;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN ĐỨC BẢO

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH L

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 8 giờ 00 phút, ngày 30 tháng 7 năm 2020.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Bảo

Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Minh Tấn và bà Nguyễn Thị Duyên .

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 126/2020/TLST- HNST ngày 26 tháng 6 năm 2020 về vụ án ly hôn giữa:

Nguyên đơn: **Bà Lê Thị Hoa N**, sinh năm: 1995 (có mặt).

Cư trú: ấp Phước Cường, xã Hậu Thạnh Tây, huyện T, tỉnh L.

Bị đơn: **Ông Lê Văn S**, sinh năm: 1990 (vắng mặt).

Cư trú: ấp Phước Cường, xã Hậu Thạnh Tây, huyện T, tỉnh L.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Về những vấn đề cần giải quyết:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 58; các Điều 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hoa N.

1. Về hôn nhân: bà Lê Thị Hoa N được ly hôn với ông Lê Văn S.

2. Về con chung: giao cho bà Lê Thị Hoa N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên: Lê Bảo Tr, sinh ngày 10/4/2012. Ông Lê Văn S không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn bên không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Về án phí:

Bà Lê Thị Hoa N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000981, ngày 26/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T sang án phí.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. Về quyền kháng cáo:

Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Nghị án kết thúc vào hồi 8 giờ 15 phút, cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA

HÀ MINH TẤN

NGUYỄN THỊ DUYÊN

NGUYỄN ĐỨC BẢO
